|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC0710 | Tên Use case | Thống kê doanh thu |
| Tác nhân | | Nhân viên, Quản lí | |
| Mục đích Use case | | Thống kê doanh thu theo từng thời điểm | |
| Sự kiện kích hoạt | | Chọn mục “Doanh thu” | |
| Tiền điều kiện | | Không | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Nhân viên | Truy cập vào mục “Doanh thu” | | 2 | Hệ thống | Đưa ra tùy chọn thống kê theo: ngày, tháng, năm | | 3 | Nhân viên | Chọn thời gian cần thống kê | | 4 | Hệ thống | Đưa ra danh sách sản phẩm + doanh thu | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | Không | |
| Hậu điều kiện | | Hệ thống đưa ra danh sách sản phẩm đã bán trong thời gian đã chọn + doanh thu | |

\*Dữ liệu đầu vào bao gồm các trường dữ liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| 1 | Từ |  | Có |  | Tháng 3 |
| 2 | Đến |  | Có |  | Tháng 5 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC0720 | Tên Use case | Thống kê sản phẩm lỗi |
| Tác nhân | | Nhân viên, Quản lí | |
| Mục đích Use case | | Đưa ra danh sách sản phẩm lỗi | |
| Sự kiện kích hoạt | | Chọn mục “Sản phẩm lỗi” | |
| Tiền điều kiện | | Không | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Nhân viên | Truy cập vào mục “Sản phẩm lỗi” | | 2 | Hệ thống | Đưa ra danh sách sản phẩm lỗi | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | Không | |
| Hậu điều kiện | | Hệ thống đưa ra danh sách sản phẩm lỗi | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC0730 | Tên Use case | Thống kê sản phẩm tồn kho |
| Tác nhân | | Nhân viên, quản lí | |
| Mục đích Use case | | Kiểm tra số lượng hang tồn kho | |
| Sự kiện kích hoạt | | Chọn mục “Sản phẩm tồn kho” | |
| Tiền điều kiện | | Không | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Nhân viên | Truy cập mục “Sản phẩm tồn kho” | | 2 | Hệ thống | Đưa ra danh sách sản phẩm | | 3 | Nhân viên | Nhập mã sản phẩm | | 4 | Hệ thống | Đưa ra sản phẩm kèm số lượng còn tồn | | |
| Luồng ngoại lệ | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Nhân viên | Nhập sai mã sản phẩm | | 2 | Hệ thống | Thông báo “Không tìm thấy sản phẩm” | | |
| Hậu điều kiện | | Đưa ra danh sách sản phẩm kèm số lượng | |

\*Dữ liệu đầu vào bao gồm các trường dữ liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| 1 | Mã sản phẩm |  | Có |  | 12345678 |